

Họ tên:.....

TIẾNG VIỆT

TỰ HỌC CUỐI TUẦN

*Đọc văn bản sau:

Tuần
10

QUÀ TẶNG CỦA CHIM NON

Chú chim bay thông thả, chấp chới lúc cao lúc thấp không một chút sợ hãi, như muốn rủ tôi cùng đi; vừa mỉm cười thích thú, tôi vừa chạy theo. Cánh chim cứ xập xòe phía trước, ngay sát gần tôi, lúc ẩn lúc hiện, cứ như một cậu bé dẫn đường tinh nghịch. Vui chân, mãi theo bóng chim, không ngờ tôi vào rừng lúc nào không rõ.

Trước mặt tôi, một cây sồi cao lớn phủ đầy lá đỏ. Một làn gió rì rào chạy qua, những chiếc lá rập rình lay động như những đốm lửa bập bùng cháy. Tôi rẽ lá, nhẹ nhàng men theo một lạch nước để đến cạnh cây sồi. Tôi ngắt một chiếc lá sồi đỏ thắm thả xuống dòng nước. Chiếc lá vừa chạm mặt nước, lập tức một chú nhái bén tí xiu như đã phục sẵn từ bao giờ ngảy phóc lên ngồi chễm chệ trên đó. Chiếc lá thoáng tròn trĩnh, chú nhái bén loay hoay cố giữ thăng bằng rồi chiếc thuyền đỏ thắm lặng lẽ xuôi dòng.

Trên các cành cây xung quanh tôi cơ man là chim. Chúng kêu líu ríu đủ thứ giọng. Tôi đưa tay lên miệng bắt đầu trở tài bắt trước tiếng chim hót. Tôi vừa cất giọng, nhiều con bay đến đậu gần tôi hơn. Thế là chúng bắt đầu hót. Hàng chục âm thanh lanh lút vang lên. Không gian đầy tiếng chim ngân nga, dường như gió thổi cũng dịu đi, những chiếc lá rơi cũng nhẹ hơn, lơ lửng lâu hơn. Loang loáng trong các lùm cây, những cánh chim màu sắc sỡ đan đi đan lại... Đâu đó vẳng lại tiếng hót thơ dại của chú chim non, cao lắm, xa lắm nhưng tôi vẫn nghe rất rõ.

Theo **Trần Hoài Dương**

Dựa vào nội dung bài, em hãy ✓ chọn câu trả lời đúng hoặc thực hiện theo yêu cầu:

1. Trong đoạn văn thứ hai, tác giả tập trung miêu tả điều gì?

Cảnh rừng với hàng trăm loài chim lạ.

Vẻ đẹp của cây sồi, lá sồi và sự tinh nghịch của chú nhái bén

Tiếng hót ngân nga của những chú chim non

cây sồi bên cạnh dòng suối có chú nhái bén đang lái thuyền.





2. Cậu bé bắt gặp những cảnh vật nào trong rừng?

cây sồi, làn gió, đốm lửa, lạch nước, chiếc thuyền, chú nhái bén.
 cây sồi lá đỏ, làn gió, lạch nước, chú nhái bén, đàn chim hót.
 cây sồi, làn gió, lá sồi, lạch nước, chú nhái bén lái thuyền lá sồi.
 cây sồi, chú nhái bén.

3. Tác giả miêu tả tiếng chim bằng những từ ngữ nào?

Lí ríu, lãnh lót, ngân nga, thơ đại.
 Líu ríu, hót đủ thứ giọng.
 Líu ríu, ngân nga, vang vọng.
 Ngân nga, thơ đại, rất hay.

4. Từ in đậm trong câu nào sau đây được dùng với nghĩa gốc?

Một làn gió rì rào **chạy** qua.
 Cả nhà em tham gia **chạy** trong cuộc thi thể thao của khu phố.
 Đồng hồ **chạy** rất đúng giờ.

5. Các từ in đậm trong câu sau thuộc từ loại nào?

“Trên các cành cây xung quanh **tôi** cơ man là chim. **Chúng** kêu líu ríu đủ thứ giọng.”

danh từ

động từ

tính từ

đại từ

Những từ đó được dùng làm gì?

“**tôi**” dùng để

“**chúng**” dùng để thay thế cho từ “.....”

